TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2022
Về việc ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Tuấn.
2. Ông Trần Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Có mặt"

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành A, sinh năm 1958.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành Duy P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có đơn xin vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2022; Biên bản lấy lời khai; tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Thành A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1982 tại Tổ 20, Ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ, chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau và do làm ăn thua lỗ nên thường xuyên bất đồng về mọi mặt. Ông A không quan tâm đến gia đình, vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn gia đình kéo dài nhiều năm, thường xuyên cãi vã nhau nên trong gia đình rất căng thẳng. Do vợ chồng không thể khắc phục, hàn gắn được tình cảm nên hai bên đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ sống chung nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông A.

Về con chung: Bà H và ông A có 01 con tên Nguyễn Thành Duy P, sinh năm 1990, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H có tài sản riêng là thửa đất số 332, tờ bản đồ 12 xã L, huyện D, diện tích 318m^2. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 800488 ngày 11/8/2000 cho bà H đứng tên. Nguồn gốc đất, do cha mẹ bà H để lại cho riêng cho bà H, không liên quan gì đến ông A.

Năm 2020, Nhà nước có Thông báo thu hồi đất số 951/TB-UBND ngày 29/7/2020 và Thông báo số 395/TB-UBND ngày 07/7/2021 về việc thu hồi toàn bộ thửa đất số 332. tờ bản đồ 12 xã L, huyện D. Ngày 10/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116,3m^2 thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ 12 xã L. Ngày 10/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định số 1032/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, với tổng số tiền 980.032.090 đồng (Chín trăm tám mươi triệu không trăm ba mươi hai nghìn không trăm chín mươi đồng). Nhưng do bà H nợ nần và bị các chủ nợ khởi kiện trước đây nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã ra Quyết định Thi hành án yêu cầu Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện D số tiền 756.709.950 đồng để trả nợ cho những người bà H nợ. Số tiền còn lại 223.222.140 đồng, hiện nay Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D đAg tạm giữ.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 332, tờ bản đồ 12 xã L, huyện D là tài sản riêng của bà H, không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với ông A để bà H được nhận số tiền bồi

thường do thu hồi đất còn lại là 223.222.140 đồng do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D đAg tạm giữ.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Thành A vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông A đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng ông A đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Duy P trình bày:

Anh P là con của bà H và ông A. Anh P đồng ý giao bà H được toàn quyền quyết định đối với số tiền 223.222.140 đồng thay anh P, nếu có tranh chấp giữa anh P và bà H không giải quyết được thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Trước đây anh P sống chung với bà H và ông A tại nhà, đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ 12 xã L, huyện D nhưng không có đóng góp gì đối với nhà, đất này.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận cho bà H được ly hôn ông A theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; về tài sản chung, theo hồ sơ thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình là thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông A và thửa đất 332 đã bị thu hồi 116m^2 nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi nê căn cứ các Điều 207, 208, 212, 213 Bộ luật dân sự và các Điều 33, 34, 43 Luật hôn nhân và gia đình không có căn cứ chấp nhận thửa đất số 332, tờ bản đồ số 12 xã L, huyện D là tài sản riêng của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Thành A có nơi cư trú tại xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Thành A và yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 332, tờ bản đồ 12 xã L, huyện D là tài sản riêng của bà H để bà H được nhận số tiền bồi thường do thu hồi đất là 223.222.140 đồng, do đó xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm mở ngày 31/8/2022 và ngày 19/9/2022, nhưng ông A đều vắng mặt không có lý do; anh Nguyễn Thành Duy P có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông A và anh P theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ trình bày của bà Ngô Thị H và kết quả xác minh của Tòa án, xác định được bà H và ông Nguyễn Thành A sống chung như vợ chồng từ năm 1982, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn *"a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A được xác lập trước ngày 03/01/1987, không đăng ký kết hôn đủ điều kiện được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông A sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau và do làm ăn thua lỗ nên hai bên không còn sống chung từ năm 2008 cho đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông A. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông A đã đến mức trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Thành A có 01 con chung tên là Nguyễn Thành Duy P, sinh năm 1990. Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà Ngô Thị H yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 332 tờ bản đồ 12 xã L, huyện D là tài sản riêng của bà H để bà H được nhận tiền bồi thường do thu hồi đất số tiền 223.222.140 đồng hiện nay Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D đAg tạm giữ trong tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Điều 1 của Quyết định ghi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 800488 ngày 11/8/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Long Đất cấp cho *Hộ bà Ngô Thị H* và tại Sổ hộ khẩu do bà H cung cấp cho Tòa án thể hiện hộ bà H gồm có: Bà H, ông A và anh P (nay anh P đã tách khẩu).

Xét yêu cầu của bà H thấy rằng, quyền sử dụng đất thuộc thửa số 332, tờ bản đồ số 12 xã L, huyện D được cấp năm 2000 cho *Hộ bà Ngô Thị H* trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông A. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông A vắng mặt không tới Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến về nội dung vụ án cũng như đối với yêu cầu công nhận tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân của bà H, do đó không có căn cứ xác định thửa đất số 332, tờ bản đồ số 12 xã L, huyện D và số tiền 223.222.140 đồng hiện nay Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D đAg tạm giữ trong tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước là tài sản riêng của bà H.

[5]. *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu công tài sản riêng không được Tòa án chấp nhận.

[7]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 43, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 207, Điều 208, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thành A.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giả quyết.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H về việc yêu cầu công nhận thửa đất số 332, tờ bản đồ số 12 xã L, huyện D và số tiền 223.222.140 đồng hiện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện D đAg tạm giữ trong tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước là tài sản riêng của bà Ngô Thị H.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch về yêu cầu công nhận tài sản riêng không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009613 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Ngô Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã L, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy